

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 29-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

-Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Xuân Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST- KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa: 01/2021/QĐST- KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐST – KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần E; địa chỉ: Tòa nhà Eo, Số 2 Tôn Thất T, phường Tr T, quận Đ Đ, Thành Phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C – Chuyên viên Phòng pháp chế. Có mặt tại phiên tòa ngày 22-3-2021 và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa 29-7-2021.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại và xây dựng N; trụ sở: Thôn Th Đ, xã V Q, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật bà Phạm Thị H - Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 14-05-2019, Công ty cổ phần E (Công ty E) cùng Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng N(Công ty N) ký Hợp đồng mua bán số 1910579/19103206/2019/EW-NH về việc cung cấp cửa sổ, cửa đi và vách kính nhôm cho công trình nhà làm việc của Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau: Hàng hóa: Theo Phụ lục đính kèm hợp đồng. Giá cả (đã bao gồm thuế GTGT): 916.176.190 đ (chín trăm mười sáu triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng). Thời hạn thanh toán:

Đợt 1: Thanh toán 30% tổng giá trị hợp đồng tương đương 275.000.000 đ, ngay sau khi ký hợp đồng.

Đợt 2 : Ngay sau khi Công ty E giao hàng cho Công ty N được 50% số lượng sản phẩm theo quy định tại khoản 1.2 của Hợp đồng, sẽ thanh toán đến 95% giá trị được nghiệm thu (trừ đi 50% tạm ứng lần 1).

Đợt 3: Ngay sau khi Công ty E giao hàng toàn bộ cho Công ty N 100% số lượng sản phẩm theo quy định của Hợp đồng, sẽ thanh toán đến 95% giá trị được nghiệm thu (trừ hết tạm ứng).

Đợt 4: Khoản tiền còn lại của Hợp đồng tính theo khối lượng thực tế ghi trong biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình và sẽ được thanh toán ngay sau khi hai bên hoàn thành việc nghiệm thu lắp đặt sản phẩm.

Công ty N phải hoàn thành việc thanh toán cho Công ty E trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, E đã cung cấp hàng hóa và thi công lắp đặt theo đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng công trình. Ngày 20-6-2019, hai bên ký Bảng giá trị khối lượng nghiệm thu đợt 1; ngày 11-7-2019, hai bên ký Bảng giá trị khối lượng nghiệm thu đợt 2. Tổng giá trị quyết toán Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT) theo khối lượng sản phẩm thực tế Công ty Eurowindow cung cấp, lắp đặt cho công trình được Công ty N nghiệm thu: 897.769.530 đồng. Giá trị Công ty N đã thanh toán cho Công ty E là: 575.000.000 đồng. Giá trị Công ty N còn phải thanh toán cho Công ty E là: 322.769.530 đồng. Kể từ khi đến hạn thanh toán hợp đồng trên, mặc dù E đã nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc đôn đốc bằng văn bản nhưng Công ty N vẫn không hợp tác trả nợ và không có lộ trình thanh toán khả thi. Việc Công ty N có các vi phạm trên đã gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty E, xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty E. Công ty E đề nghị Tòa án xem xét và tuyên buộc: Công ty N có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty E

số tiền cả gốc và lãi là: 422.021.160 đồng, bao gồm: Số tiền nợ gốc phải thanh toán phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán số 1910579/19103206/2019/EW-NH với số tiền là: 322.769.530 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính trên số nợ gốc kể từ ngày 16-7-2019 đến ngày 22-3-2021 theo mức lãi suất 0,05%/ ngày là: 99.251.630 đồng.

Công ty N còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên thực tế theo mức lãi suất 0,05%/ngày.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng N (Công ty N) do bà Phạm Thị H chức vụ Giám đốc trình bày: Ngày 14-05-2019, Công ty E cùng Công ty N ký Hợp đồng mua bán số 1910579/19103206/2019/EW-NH về việc cung cấp cửa sổ, cửa đi và vách kính nhôm cho công trình Nhà làm việc của Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Cao Bằng như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng bên thi công là Công ty Eurowindow mới thực hiện phần cung cấp vật tư xây lắp đến công trường (theo biên bản giao nhận đợt 1 và 2). Công ty N đã thanh toán cho Công ty cổ phần E tổng số tiền là 575.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty E mới lắp đặt phần cửa các loại và vách kính nhà khách. Không thực hiện vệ sinh toàn bộ cửa kính và lắp đặt cửa 2 trạm gác và nhà bảo vệ. Kỹ thuật Công ty N đã gọi điện nhiều lần cho nhân viên lắp đặt của Công ty E nhưng không trả lời và không lên công trình hoàn thiện nốt công việc còn lại nêu trên.

Việc Công ty E chưa hoàn thành hết nội dung công việc theo hợp đồng, chưa hoàn thiện thủ tục liên quan đến quản lý chất lượng theo đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng, tuân thủ Nghị định 209/NĐ - CP về quản lý chất lượng trong xây dựng cơ bản. Chưa đủ cơ sở để Công ty N ký quyết toán nên chưa có cơ sở thanh lý hợp đồng. Nay Công ty Eurowindow yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty E số tiền cả gốc và lãi là: 422.021.160 đồng, công ty N không đồng ý do công ty E không thực hiện đúng theo hợp đồng mua bán đã ký kết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành chưa nghiêm. Về nội dung vụ án: Yêu cầu trả nợ số tiền hàng còn thiếu của nguyên

đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về lãi suất chậm trả đề nghị áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 buộc Công ty N phải chịu tiền lãi suất chậm trả Công ty E đối với số tiền còn nợ của Công ty N. Chấp nhận thỏa thuận của Công ty E, Công ty E trừ cho Công ty N 2.000.000 đồng tiền làm vệ sinh công nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Công ty TNHH thương mại và xây dựng N; trụ sở: Thôn Thượng Điện, xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Công ty N và Công ty E ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm vì mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Công ty cổ phần E khởi kiện Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng N về tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã chấp hành nghiêm; bị đơn chấp hành không nghiêm trong việc tham gia các hoạt động tố tụng. Bị đơn đã 2 lần vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Công ty E và Công ty N đều xác nhận: Ngày 14-05-2019, hai bên đã ký Hợp đồng mua bán số 1910579/19103206/2019/EW-NH về việc cung cấp cửa sổ, cửa đi và vách kính nhôm cho công trình Nhà làm việc của Ngân hàng Nhà nước- Chi nhánh tỉnh Cao Bằng với số tiền là 916.176.190 đồng. Công ty N đã trả cho Công ty E số tiền 575.000.000 đồng. Công ty N cho rằng Công ty E không vệ sinh công trình, không lắp đặt cửa nhà bảo vệ và hai trạm gác là không có căn cứ bởi biên bản nghiệm thu hai bên đã ký kết không có điểm nào ghi nhận việc trên. Công trình nhà làm việc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Cao Bằng đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 30-11-2019. Căn cứ vào các điều khoản thanh toán bao gồm: Tiến độ thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán, nghiệm thu công trình trong hợp đồng mua bán, Phụ lục hợp đồng thấy rằng Công ty E đã thực hiện đúng Hợp đồng mua bán số 1910579/19103206/2019/EW-NH ký ngày 14-05-2019. Tại biên bản phiên họp công khai chứng cứ Công ty N không nộp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ; sau khi ngừng phiên tòa, Tòa án đã thông báo cho Công ty N nộp bổ sung tài liệu chứng cứ về việc Công ty E không lắp đặt cửa trạm gác và nhà bảo vệ và không vệ sinh công trình nhưng Công ty N không nộp. Do vậy yêu cầu buộc Công ty N phải trả nợ tiền hàng còn thiếu 322.769.530 đồng của Công ty E là có căn cứ, được chấp nhận.

Chấp nhận thỏa thuận của Công ty E, Công ty E trừ cho Công ty N 2.000.000 đồng tiền làm vệ sinh công nghiệp.

[2.2]. Về lãi chậm thanh toán: Hai bên thỏa thuận trong hợp đồng nếu chậm thanh toán phải chịu lãi suất 0,1% ngày là 36% năm là cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này được chấp nhận và cần áp dụng Điều 306 Luật Thương mại để điều chỉnh. Lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Lê Chân là 10,5%/ năm; Lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam –Chi nhánh Hải Phòng là 10%/năm; Lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng là 9,0%/năm. Lãi suất nợ quá hạn trung bình là 14,74% năm được áp dụng buộc Công ty N phải chịu cho khoản chậm thanh toán kể từ ngày 16-7-2019 đến ngày xét xử cho Công ty E là:

$320.769.530 \text{ đồng} \times 14,74\% / \text{năm} \times 2 \text{ năm} = 94.562.857 \text{ đồng}.$

$320.769.530 \text{ đồng} \times 14,74\% / \text{năm} : 365 \times 13 \text{ ngày} = 1.683.996 \text{ đồng}$

Tổng lãi chậm thanh toán phải trả là 96.246.853 đồng.

Chấp nhận thỏa thuận của Công ty E, Công ty E trừ cho Công ty N 2.000.000 đồng tiền làm vệ sinh công nghiệp.

[3]. Về án phí: Công ty E không phải chịu án phí. Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 434, 435, 440, 468 BLDS; Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005. Căn cứ Điều 147, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc Công ty TNHH thương mại và xây dựng N phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần E số tiền hàng còn thiếu là 320.769.530 đồng và lãi chậm trả là 96.246.853 đồng. Tổng là 417.016.383 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu không trăm mười sáu ngàn ba trăm tám ba đồng).

2. Kể từ ngày 30-7-2021, Công ty TNHH thương mại và xây dựng N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3. Án phí: Hoàn lại Công ty cổ phần E 8.070.000 tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 17359 ngày 15-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Công ty TNHH thương mại và xây dựng N phải chịu 20.680.600 đồng án phí kinh doanh thương mại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Vinh